

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phượng Kỳ, ngày 06 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC KỲ

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4677/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Từ Kỳ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi Ngân sách xã thị trấn năm 2023;

Theo đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách năm 2023 của xã Phượng Kỳ (Có các biểu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng – Thống kê, công chức Tài chính - Kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính - KH huyện;
- Đảng uỷ xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các ông trưởng thôn;
- Lưu: VP.



CHỦ TỊCH

Tấn Văn Duẩn

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	4.215.000.000	4.215.000.000
I	Các khoản thu 100%	66.000.000	66.000.000
1	Phí, lệ phí	16.000.000	16.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	30.000.000	30.000.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	20.000.000	20.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	31.000.000	31.000.000
1	Các khoản thu phân chia	24.000.000	24.000.000
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000.000	3.000.000
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.000.000	1.000.000
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000.000	20.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	7.000.000	7.000.000
2.1	Thu tiền sử dụng đất		
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên		
2.4	Thuế giá trị gia tăng	5.000.000	5.000.000
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	2.000.000	2.000.000
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.118.000.000	4.118.000.000
1	Thu bổ sung cân đối		
2	Thu bổ sung có mục tiêu	4.118.000.000	4.118.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	4.215.000.000		4.215.000.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế			
4	Chi văn hóa, thông tin	25.000.000		25.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	27.000.000		27.000.000
6	Chi thể dục, thể thao	50.000.000		50.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế	20.000.000		20.000.000
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.783.080.000		3.783.080.000
10	Chi cho công tác xã hội	181.920.000		181.920.000
11	Chi khác	48.000.000		48.000.000
12	Dự phòng	80.000.000		80.000.000

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	4.215.000.000	4.215.000.000
I	Các khoản thu 100%		
1	Phí, lệ phí	66.000.000	66.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	16.000.000	16.000.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	30.000.000	30.000.000
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác		
		20.000.000	20.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	31.000.000	31.000.000
1	Các khoản thu phân chia	24.000.000	24.000.000
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000.000	3.000.000
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.000.000	1.000.000
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000.000	20.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	7.000.000	7.000.000
2.1	Thu tiền sử dụng đất		
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên		
2.4	Thuế giá trị gia tăng	5.000.000	5.000.000
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	2.000.000	2.000.000
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.118.000.000	4.118.000.000
1	Thu bổ sung cân đối	4.118.000.000	4.118.000.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	4.215.000.000	TỔNG SỐ CHI	4.215.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	66.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	31.000.000	II. Chi thường xuyên	4.135.000.000
III. Thu bổ sung	4.118.000.000	III. Dự phòng	80.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.118.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.